

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST.

Ngày: 27-01-2021.

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Danh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2020 và ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2019 về “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Phương H, sinh năm 1969, địa chỉ: 139/14 Đường H, ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Anh Lê Thanh V, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1943, địa chỉ: đường H, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Lê Phương H, sinh năm 1969, địa chỉ: Đường H, ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 15/05/2019) “Có mặt”

2/ Bà Lê Phương L, sinh năm 1971, địa chỉ: đường H, khu phố M, thị trấn

H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Lê Phương H, sinh năm 1969, địa chỉ: Đường H, ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 15/05/2019) “Có mặt”

3/ Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1957, địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

4/ Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

5/ Chị Nguyễn Lê C, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Phương H trình bày:*

Bà là con của ông Lê Văn C1, sinh năm 1939 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1943. Cha mẹ của bà chung sống vào khoảng năm 1967, có tổ chức đám cưới và chung sống tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch. Khi cưới không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông C1 và bà B có hai con chung là bà và em gái là Lê Phương L.

Đến khoảng năm 1978, cha bà chuyển ra ruộng tọa lạc tại ấp Xóm Góc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để ở chứ không ở nhà tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.

Sau khi ra ruộng ở, ông C1 có quan hệ với bà Nguyễn Thị B1 và có con chung là anh Nguyễn Thanh P, Lê Thanh V và chị Nguyễn Lê C. Sau đó, ông C1 đưa anh V về sống với ông C1 chứ thực tế ông C1 không chung sống với bà B1. Từ đó đến khi ông C1 chết, anh V ở cùng ông C1 tại diện tích đất ruộng của ông C1. Nay đất thuộc thửa 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An có tổng diện tích là 3.795m².

Ngày 31/03/2018, ông C1 chết do đột tử. Hiện nay, di sản thừa kế do ông C1 để lại là các thửa đất 161 và 276 tờ bản đồ 34 xã Long An do anh V đang quản lý, sử dụng.

Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 ngày 14/01/2016 đứng tên ông Lê Văn C1 đối với thửa 161, tờ bản đồ 34 xã Long An và số CA 035951 ngày 14/01/2016 đứng tên ông Lê Văn C1 đối với thửa 276, tờ bản đồ 34 xã Long An.

Do không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế, bà yêu cầu tòa

án chia thừa kế như sau:

Chia di sản thừa kế là diện tích đất thuộc thửa 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An cho các đồng thừa kế gồm: bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, bà Nguyễn Thị B1, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế cho bà và bà B, bà L bằng quyền sử dụng đất có diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản vẽ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An. Phần còn lại chia đều cho bà B1, anh V, anh P và chị C.

Bà thống nhất theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành và chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn-anh Lê Thanh V trình bày:*

Anh là con ruột của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị B1. Từ khi anh sinh ra thì anh ở với cha là Lê Văn C1 chứ không ở với mẹ. Cha mẹ anh ở với nhau thời gian nào anh không biết nhưng anh biết là cha mẹ không ở với nhau và mẹ anh có nhà ở riêng tại ấp 1, xã Long An.

Cha mẹ anh có 03 người con là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981; Lê Thanh V, sinh năm 1984; Nguyễn Lê C, sinh năm 1986.

Anh P và chị C mang họ mẹ nhưng lý do vì sao thì anh không biết. Anh P và chị C thì sống chung với mẹ con anh ở với cha.

Vào năm 1982, cha anh có nhận sang nhượng một phần đất của ông Châu Văn N diện tích khoảng 0,4 hecta tọa lạc tại ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành nay thuộc thửa đất số 161 và 276 tờ bản đồ 34 xã Long An. Đất này đã được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/01/2016 thì được cấp đổi thành 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 và CA 035951 đứng tên ông Lê Văn C1.

Từ nhỏ tới lớn anh chỉ sống chung với ông C1. Ngoài ra, anh không sống với ai khác.

Đến ngày 31/03/2018 thì ông C1 chết do bị đột tử.

Đối với bà Phạm Thị B, Lê Phương L và Lê Phương H là ai thì anh không biết. Chỉ khi đám ma thì có về dự và anh mới biết là bà B có chung sống với ông C1 và có 02 người con là bà H và bà L. Trước đây thì không có quan hệ qua lại gì.

Nay ông C1 đã chết thì có để lại di sản là diện tích đất thuộc thửa đất số

161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An và 02 ngôi nhà cấp 4 cùng một số cây tràm, điều.

Nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế thì anh không đồng ý theo ý kiến bà H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật đối với di sản thừa kế là diện tích đất thuộc thửa 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An. Anh yêu cầu được chia bằng tiền.

Riêng ngôi nhà tường gạch, mái tôn diện tích 50m² trên đất là nhà riêng của anh, không phải là tài sản do ông C1 để lại.

Anh thống nhất theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành và chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021.

** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà Phạm Thị B và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền là bà Lê Phương H trình bày:*

Bà B và ông Lê Văn C1 chung sống từ năm 1967 ở tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Khi chung sống, hai B1n có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có 02 con chung là Lê Phương H, sinh năm 1969 và Lê Phương L, sinh năm 1971. Khoảng năm 1978, sau khi ông C1 đi cải tạo về do có đi lính ngụy, cha mẹ của ông C1 có cho ông C1 một phần đất ở xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch để ở nhưng do bà B và các con không chịu về ở nên ông C1 mới bán phần đất này lấy tiền để mua một phần đất tọa lạc tại ấp Xóm Gốc, xã Long An hiện nay thuộc thửa 161 và 276, tờ bản đồ 34 xã Long An. Sau khi mua đất thì ông C1 dọn ra ở phần đất này. Sau đó, ông C1 có quan hệ với bà B1 và thừa nhận có một người con với bà B1 là anh Lê Thanh V. Ngoài ra, bà B1 còn có 02 người con nữa nhưng ông C1 không thừa nhận là con của ông C1. Từ khi ông C1 ra ấp Xóm Gốc ở thì vợ chồng bà không sống chung nhà nhưng vẫn thường xuyên qua lại. Sau đó, bà có biết là sau bà B1 thì ông C1 có quan hệ qua lại với nhiều người phụ nữ khác nhưng bà không biết là ai. Bà xác định phần đất của ông C1 tạo lập tại ấp Xóm Gốc, xã Long An hiện nay thuộc thửa 161 và 276, tờ bản đồ 34 xã Long An là tài sản riêng của ông C1, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Bà không biết ông C1 quan hệ với bà B1 từ thời gian nào, chỉ khi nghe hai người có con thì bà mới biết. Sau này thì bà thấy có 01 mình anh V sống với ông C1 đến khi ông C1 chết.

Ông C1 chết vào ngày 31/03/2018 vì lý do đột tử. Hai con của bà có về làm đám ma cho ông C1 và làm thủ tục khai tử.

Ông C1 chết có để lại di sản là thửa đất 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An. Nay bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà Lê Phương L và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền là bà Lê Phương H trình bày:*

Bà là con của ông Lê Văn C1, sinh năm 1939 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1943. Cha mẹ của bà chung sống vào khoảng năm 1967, có tổ chức đám cưới và chung sống tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch. Khi cưới không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có hai con chung là bà và chị gái tên là Lê Phương H.

Trong quá trình chung sống thì cha mẹ bà có gây dựng được một diện tích đất tọa lạc tại ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng năm 1978, cha bà chuyển ra ruộng ở chứ trong ở nhà tại ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.

Sau khi ra ruộng ở, ông C1 có quan hệ với bà Nguyễn Thị B1 và có con chung là anh Nguyễn Thanh P, Lê Thanh V và chị Nguyễn Lê C. Sau đó, ông C1 đưa anh V về sống với ông C1 chứ thực tế ông C1 không chung sống với bà B1. Từ đó đến khi ông C1 chết, thì anh V ở cùng ông C1 tại diện tích đất ruộng của ông C1. Nay đất thuộc thửa 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An.

Ngày 31/03/2018, ông C1 chết do đột tử. Hiện nay, di sản thừa kế do ông C1 để lại là diện tích đất thuộc thửa 161 và 276 tờ bản đồ 34 xã Long An do anh V đang quản lý, sử dụng.

Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 ngày 14/01/2016 đứng tên ông Lê Văn C1 đối với thửa 161, tờ bản đồ 34 xã Long An và số CA 035951 ngày 14/01/2016 đứng tên ông Lê Văn C1 đối với thửa 276, tờ bản đồ 34 xã Long An.

Do không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế, bà yêu cầu tòa án chia thừa kế như sau:

Chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế gồm: bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, bà Nguyễn Thị B1, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C. Trong đó, đề nghị chia di sản thừa kế cho bà và bà B, bà H bằng quyền sử dụng đất có diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản vẽ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An. Phần còn lại chia đều cho bà B1, anh V, anh P và chị C.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B1 trình bày:*

Bà và ông Lê Văn C1 có quan hệ qua lại từ năm 1980 nhưng không chung sống. Sau khi bà sinh đứa con đầu là Nguyễn Thanh P thì bà mới về chung sống với ông C1 ở tại ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi chung sống, hai bên không có làm đám cưới và cũng không có đăng ký kết

hôn. Khi bà về chung sống với ông C1 thì ông C1 đã mua đất của ông Châu Văn Nuôi diện tích 0,4 hecta tại ấp Xóm Góc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi bà về ở chung thì gia đình bà có cho bà một khoản tiền và bà đã dùng tiền đó để xây nhà trên đất của ông C1 để chung sống và hiện nay nhà vẫn còn. Trong quá trình chung sống thì bà có 03 người con chung với ông C1 là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981; Lê Thanh V, sinh năm 1984; Nguyễn Lê C, sinh năm 1986. Do ngày xưa bà là làm công nhân cạo mủ nên bà khai tên đứa con đầu theo họ mẹ để nhằm hưởng trợ cấp gạo của công ty. Đến khi bà sinh đứa con thứ ba vào khoảng năm 1986 thì do bà giận nhau với ông C1 nên bà đã bỏ đi và khai sinh con theo họ mẹ là Nguyễn Lê C (còn một người con sinh đôi với Nguyễn Lê C tên Nguyễn Lê Sinh đã chết khi còn nhỏ). Từ đó, bà không còn chung sống nữa nhưng bà có thường xuyên đi về để lo lắng cho ông C1 và V. Còn P và C thì ở với bà tại ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đối với bà Phạm Thị B, Lê Phương L và Lê Phương H là ai thì bà không biết. Bà chưa từng biết mặt của bà B, còn L với H có vô nhà bà 1 lần nên bà có biết chị L và chị H là con của bà B, còn phải là con của ông C1 không thì bà không rõ.

Con trai bà là P thì có biết bà Phạm Thị B, Lê Phương L và Lê Phương H. Đám cưới của anh P có mời chị L và chị H.

Theo bà biết, ông C1 có tạo dựng được một diện tích đất tọa lạc tại ấp Xóm Góc, xã Long An hiện nay thuộc thửa 161 và 276, tờ bản đồ 34 xã Long An. Đất này là mua của ông Châu Văn Nuôi từ năm 1982. Lúc này bà chưa về ở nên không biết việc chuyển nhượng này.

Ông C1 chết vì lý do đột tử nhưng cụ thể ngày nào bà không nhớ. Lúc đám ma do bà đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên không về làm đám mà chỉ có vợ chồng con trai bà là P và con trai là V lo hậu sự.

Ông C1 chết có để lại di sản là diện tích đất thuộc thửa 161 và 276, tờ bản đồ 34 xã Long An.

Bà xác định phần đất này do ông C1 mua nhưng sau khi bà về thì bà có cùng với ông C1 cải tạo, trồng trọt và gìn giữ đất.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không đồng ý. Vì phần đất này do mẹ con bà có công cùng gìn giữ và chăm sóc từ trước tới nay nên đề nghị Tòa án xem xét giao cho bà quản lý, sử dụng và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán lại bằng tiền cho anh V, anh P và chị C.

Bà thống nhất theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành và chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh P trình bày:*

Anh là con ruột của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị Bê. Anh có nghe mẹ anh nói là mẹ anh làm công nhân cạo mủ nên khi sinh anh theo họ mẹ để nhằm hưởng trợ cấp gạo của công ty.

Từ khi anh sinh ra thì anh ở cùng với cha mẹ. Nhưng khi anh trưởng thành thì cha mẹ anh hay mâu thuẫn nên anh và mẹ về ở tại ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành.

Cha mẹ anh ở với nhau thời gian nào anh không rõ nhưng nghe nói khoảng năm 1980 đến năm 2010 thì không chung sống nữa nhưng mẹ anh có thường xuyên đi về để chăm sóc ông C1 và V.

Cha mẹ anh có 03 người con là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981; Lê Thanh V, sinh năm 1984; Nguyễn Lê C, sinh năm 1986.

Việc em gái anh mang họ mẹ vì lý do vì sao thì anh không biết do anh còn nhỏ.

Theo giấy tờ mà ông C1 để lại thì vào năm 1982, cha anh có nhận sang nhượng một phần đất của ông Châu Văn Nuôi diện tích khoảng 0,4 hecta tọa lạc tại ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành nay thuộc thửa đất số 161 và 276 tờ bản đồ 34 xã Long An. Đất này đã được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/01/2016 thì được cấp đổi thành 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 và CA 035951 đứng tên ông Lê Văn C1.

Đến ngày 31/03/2018 thì ông C1 chết do bị đột tử.

Đối với bà Phạm Thị B, Lê Phương L và Lê Phương H thì anh có nghe nói là bà B là vợ trước của ông C1. Bà B với ông C1 có 2 người con là Lê Phương L và Lê Phương H.

Giữa anh và chị L, chị H có quan hệ qua lại do là chị em cùng cha khác mẹ.

Nay ông đã chết thì có để lại di sản là diện tích đất thuộc thửa đất số 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An và 02 ngôi nhà cấp 4 cùng một số cây tràm, điều.

Nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế thì ý kiến anh thì không đồng ý theo ý kiến bà H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết chia cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị B1 50% diện tích đất do đây là tài sản C của cha mẹ anh, phần còn lại chia đều cho các đồng thừa kế là bà Bê, chị H, chị L, anh V, chị C và anh. Đối với tài sản trên đất thì chia đất như thế nào thì được hưởng phần tài sản trên đất kèm theo. Anh đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng tiền.

Anh thống nhất theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành và chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Lê C trình bày:*

Chị là con ruột của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị Bê. Chị có nghe nói

là khi sinh chị ra thì cha mẹ chị giận nhau nên mẹ chị bỏ đi và mẹ chị khai sinh chị theo họ mẹ.

Từ khi chị sinh ra thì chị ở cùng với mẹ ở tại ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành nhưng thỉnh thoảng chị có về thăm cha.

Cha mẹ chị ở với nhau thời gian nào chị không biết. Đến khi sinh chị ra thì cha mẹ không còn chung sống nữa nhưng mẹ chị có thường xuyên đi về để chăm sóc cha và anh V.

Đến năm 2012 thì chị xuất gia tại chùa An Lạc Hạnh, sau đó tu tại chùa Thanh Lạc ở xã Long An, huyện Long Thành.

Cha mẹ chị có 03 người con là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981; Lê Thanh V, sinh năm 1984; Nguyễn Lê C, sinh năm 1986.

Việc anh P mang họ mẹ vì lý do gì chị không biết.

Đến ngày 31/03/2018 thì ông C1 chết do bị đột tử. Từ đó đến nay thì chị về ở tại nhà của ông C1.

Về di sản của ông C1 để lại thì chị hoàn toàn không biết gì.

Hiện nay chị đang ở trên đất và nhà của ông C1 để lại nhưng chị không nắm về nguồn gốc và quá trình sử dụng. Hiện nay toàn bộ giấy tờ do anh V giữ.

Đối với bà Phạm Thị B, Lê Phương L và Lê Phương H thì chị có nghe nói bà B là vợ trước của ông C1. Bà B với ông C1 có 2 người con là Lê Phương L và Lê Phương H. Trước đây chị có nghe cha mẹ nói về việc này nhưng đến khi đám cưới của anh P thì chị mới gặp mặt.

Giữa chị và chị L, chị H có quan hệ qua lại do là chị em cùng cha khác mẹ.

Nay ông C1 đã chết thì có để lại di sản là diện tích đất thuộc thửa đất số 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An và 02 ngôi nhà cấp 4 cùng một số cây tràm, điều.

Nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế thì ý kiến chị thì không đồng ý theo ý kiến bà H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật và chị đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng tiền.

Chị thống nhất theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành và chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Diện tích đất thuộc 02 thửa số 161, 276 tờ bản đồ 34 xã Long An có tổng diện tích 3795m² ông C1 được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2016 cho ông C1 đứng tên. Tài sản này có nguồn gốc là do ông C1 nhận chuyển nhượng của ông Nuôi năm 1982. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông Nuôi, ông C1 không còn sống chung với bà B, bà B1 thừa nhận khi bà về chung sống với ông C1, ông C1 đã nhận chuyển nhượng đất của ông Nuôi rồi, bà B1 cũng không có tham gia giao dịch nhận chuyển nhượng đất này. Cả bà B, bà B1 không có chứng cứ chứng minh bản thân các bà có công sức trong việc tạo lập nên diện tích đất tranh chấp. Do vậy có cơ sở xác định diện tích đất thuộc 02 thửa đất nêu trên là tài sản riêng của ông C1 để lại, được xem là di sản để chia thừa kế.

Xét về hàng thừa kế của ông Lê Văn C1: Do ông C1 chết không để lại di chúc nên tài sản ông C1 sẽ được chia theo pháp luật theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do cha mẹ ông C1 đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 gồm có bà B, bà H, bà L, anh P, anh V, chị C.

Đối với bà B1 chung sống với ông C1 từ năm 1980, có 03 con chung, bà có khoảng thời gian sống liên tục nhiều năm trên đất đang tranh chấp. Mặc dù, bà không phải là vợ hợp pháp của ông C1, bà không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản thừa kế nhưng xét thấy cần thiết phải xem xét đến công sức đóng góp của bà B1 trong việc chăm sóc, bảo quản, cải tạo và quản lý sử dụng đất tranh chấp nêu trên bằng một suất thừa kế của các đồng thừa kế khác.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc tranh chấp di sản thừa kế đối với bị đơn anh V.

Giao cho nguyên đơn bà H được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 1087,4m² là một phần đất thuộc thửa số 161 theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021. Bà H có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị thừa kế cho bà B, bà L theo kết quả chứng thư thẩm định giá. Bà H có trách nhiệm thanh toán cho anh V giá trị căn nhà anh V xây dựng nằm trên diện tích đất được chia theo kết quả chứng thư thẩm định giá.

Do bà B1 có nhu cầu sử dụng đất, còn anh P, anh V, chị C yêu cầu được nhận giá trị phần di sản thừa kế được hưởng nên có căn cứ giao cho bà B1 quản lý, sử dụng diện tích các phần đất còn lại thuộc thửa số 267 và một phần thửa đất số 161. Bà B1 có trách nhiệm thanh toán phần giá trị phần di sản thừa kế cho 03 người con của bà theo kết quả chứng thư thẩm định giá số 296 ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Lê Văn C1 được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035951 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 276, tờ bản đồ 34 xã Long An và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ 34 xã Long An. Ngày 31/03/2018, ông C1 chết do bị đột tử mà không để lại di chúc. Các đồng thừa kế không thống nhất thỏa thuận việc phân chia di sản nên khởi kiện đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp di sản thừa kế”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Do các bên tranh chấp di sản thừa kế là bất động sản, cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất 161, 276, tờ bản đồ 34 xã Long An, huyện Long Thành nên thẩm quyền thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại đơn khởi kiện thì nguyên đơn-bà Lê Phương H yêu cầu: do các thửa đất 161, 276, tờ bản đồ 34 xã Long An, huyện Long Thành là tài sản C của bà B và ông C1 nên bà B được hưởng một nửa diện tích đất. Một nửa còn lại chia đều cho các đồng thừa kế gồm: bà B, bà H, bà L và anh V.

Tại phiên tòa, nguyên đơn-chị Lê Phương H thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chia đều di sản thừa kế là các thửa đất 161, 276, tờ bản đồ 34 xã Long An, huyện Long Thành cho các đồng thừa kế gồm: bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, bà Nguyễn Thị Bê, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế cho bà và bà B, bà L bằng quyền sử dụng đất có diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chỉ nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn.

Bị đơn-anh Lê Thanh V và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bê, anh P, chị C không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là các thửa đất 161, 276, tờ bản đồ 34 xã Long An, huyện Long Thành theo quy định của pháp luật.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các lời trình bày của các đương sự thì hội đồng xét xử có nhận định như sau:

* Xác định người thừa kế:

Ông Lê Văn C1 chung sống với bà Phạm Thị B từ khoảng năm 1968, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống,

ông C1 và bà B có 02 con chung là bà Lê Phương H sinh năm 1969 và Lê Phương L, sinh năm 1971 (có đăng ký khai sinh). Như vậy, căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của bà B và ông C1 là hôn nhân thực tế và từ khi chung sống đến khi ông C1 chết, giữa ông C1 và bà B chưa làm thủ tục ly hôn nên xác định bà B là vợ hợp pháp của ông C1.

Ông Lê Văn C1 chung sống với bà Nguyễn Thị B1 từ khoảng năm 1978, không làm đám cưới, cũng không đăng ký kết hôn. Khi chung sống với bà B1 thì ông C1 vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân với bà B nên vi phạm Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959: “*Cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn với người khác*” nên bà B1 không được công nhận là vợ hợp pháp của ông C1.

Trong quá trình chung sống, ông C1 và bà B1 có 03 người con, trong đó, anh Lê Thanh V và chị Nguyễn Lê C có đăng ký khai sinh với tên cha là ông Lê Văn C1, riêng anh Nguyễn Thanh P mang họ mẹ và khai sinh không có tên cha. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất xác định anh Nguyễn Thanh P là con chung của ông C1 và bà B1 nên ghi nhận.

Đối với cha mẹ của ông Lê Văn C1 thì Công an xã Long An và các đương sự đều xác định đã chết và không rõ nhân thân lai lịch.

Từ những phân tích ở trên, căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 thì xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C1 gồm: Bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C.

* Về xác định di sản thừa kế:

Ông Lê Văn C1 được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035951 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 276, tờ bản đồ 34 xã Long An, diện tích 1.369,7m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 035950 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ 34 xã Long An, diện tích 2.425,3m². Nguồn gốc của phần đất này là do ông C1 nhận chuyển nhượng từ ông Châu Văn Nuôi vào năm 1982.

Tại phiên tòa, bà H xác định thửa đất số 276 và 161 tờ bản đồ 34 xã Long An là tài sản của ông Lê Văn C1. Đối với bà B, lúc nhận chuyển nhượng đất không còn chung sống với ông C1 nên đây không phải tài sản chung của bà B với ông C1.

Bà Nguyễn Thị B1 xác định việc nhận chuyển nhượng các thửa đất này thì bà không biết, không có đóng góp trong việc nhận chuyển nhượng đất.

Tại phiên tòa, bà B1 thay đổi ý kiến, bà B1 cho rằng bà có bán ngôi nhà gỗ mái tôn của gia đình bà cho để lấy tiền hôn với ông C1 để nhận chuyển nhượng đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, lời khai của bà B1 trước sau không thống nhất nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, có căn cứ xác định di sản thừa kế của ông C1 để lại là thửa đất số 276, tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.369,7m² và thửa đất số 161, tờ bản

đồ 34 xã Long An có diện tích $2.425,3m^2$.

Theo chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì giá trị quyền sử dụng thửa đất số 161, tờ bản đồ 34 xã Long An là 12.441.500.000 đồng, giá trị quyền sử dụng thửa đất số 276, tờ bản đồ 34 xã Long An là 1.643.640.000 đồng, tổng cộng giá trị 2 thửa đất là 14.085.140.000 đồng.

Đối với ngôi nhà mái ngói diện tích $85m^2$ tọa lạc trên thửa đất số 161, tờ bản đồ 34 xã Long An, cây trồng và công trình phụ trên đất, các đương sự không ai khởi kiện yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, trên thửa đất số 161, tờ bản đồ 34 xã Long An còn có một ngôi nhà xây, mái tôn, diện tích $50m^2$. Các đương sự thống nhất đây là tài sản riêng của anh Lê Thanh V.

** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông Lê Văn C1 có 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Lê C.

Đối với bà Nguyễn Thị B1 thì không phải là vợ hợp pháp của ông C1 nhưng có công sức gìn giữ và cải tạo đối với di sản thừa kế mà ông C1 để lại nên có căn cứ cho bà Nguyễn Thị B1 được hưởng một phần di sản thừa kế bằng với các đồng thừa kế của ông C1.

Như vậy, di sản thừa kế của ông C1 được chia làm 7 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế và bà Nguyễn Thị Bê. Mỗi người được hưởng tương đương giá trị bằng tiền là $14.085.140.000 \text{ đồng} / 7 = 2.012.162.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà L yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế cho bà H, bà B và bà L được hưởng phần đất diện tích $1.087,4m^2$ được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành trong đó có $75m^2$ đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An, phần đất này có giá trị là $1.012,4 * 5.000.000 \text{ đồng} + 75 * 7.000.000 \text{ đồng} = 5.587.000.000 \text{ đồng}$, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Do phần đất mà nguyên đơn yêu cầu nhỏ hơn giá trị phần di sản mà bà H, bà B và bà L được hưởng ($2.012.162.000 * 3 = 6.036.486.000 \text{ đồng}$) nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà H yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nên bà H phải có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản thừa kế cho bà B và bà L.

Phần đất còn lại của thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích $1.337,9m^2$, được giới hạn bởi các mốc (5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 5) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, trong đó có $75m^2$ đất ở nông thôn, phần đất này có giá trị là $(1.262,9 * 5.000.000 \text{ đồng} + 75 * 7.000.000 \text{ đồng}) =$

6.839.500.000 đồng và thửa đất số 276 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.369,7m² có giá trị là 1.643.640.000 đồng, tổng cộng là 8.483.140.000 đồng.

Do anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Lê C yêu cầu được chia di sản thừa kế bằng tiền còn bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu được chia bằng đất nên cần thiết giao lại phần đất này cho bà B1 quản lý sử dụng và bà B1 có trách nhiệm thanh toán lại bằng tiền cho các đồng thừa kế là anh V anh P và chị C.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao phần đất diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành trong đó có 75m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An cho bà H quản lý sử dụng, bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị B bà Lê Phương L, mỗi người cụ thể là 5.587.000.000 đồng / 3 = 1.862.000.000 đồng (làm tròn).

Giao phần đất còn lại của thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.337,9m² được giới hạn bởi các mốc (5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 5) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn và phần đất thuộc thửa đất số 276 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.369,7m² được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 4, 5, 14, 13, 12, 11, 10, 16, 2) bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, loại đất lúa cho bà Nguyễn Thị B1 quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị B1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thanh P, anh Lê Thanh V và chị Nguyễn Lê C, mỗi người cụ thể là 8.483.140.000 / 4 = 2.120.785.000 đồng.

Trên đất mà bà H được giao quản lý, sử dụng có 01 ngôi nhà cấp 4, mái tôn, diện tích 50m² của anh Lê Thanh V. Do nhà là tài sản gắn liền với đất nên cần thiết giao ngôi nhà này cho bà Lê Phương H quản lý, sử dụng và bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị nhà cho anh Lê Thanh V là 120.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 296/TĐG-CT ngày 26/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai. Tuy nhiên, có một phần ngôi nhà có diện tích 0,7m² được giới hạn bởi các mốc (10, 11, 15, 16) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành nằm trên thửa đất số 276 tờ bản đồ 34 xã Long An được giao cho bà B1 quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý sẽ tháo dỡ nếu bà B1 yêu cầu nên ghi nhận.

Đối với các tài sản khác trên đất, các đương sự không khởi kiện tranh chấp nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế nên mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia khối di sản thừa kế, cụ thể:

Bà H, bà B, bà L, mỗi người phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + $(1.862.000.000 - 800.000.000) * 3\% = 67.860.000$ đồng.

Bà Bê, anh V, anh P, chị C, mỗi người phải chịu án phí là 72.000.000 đồng + $(2.120.785.000 - 2.000.000.000) * 2\% = 74.415.700$ đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 86.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C và bà Nguyễn Thị Bê, mỗi người phải chịu 12.286.000 đồng.

Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên bà Phạm Thị B, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C và bà Nguyễn Thị Bê, mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho bà H số tiền 12.286.000 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Điều 5, 11 Luật hôn nhân và gia đình 1959.

Căn cứ nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 609, 610, 612, 613, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Lê Phương H, chia di sản thừa kế như sau:

Giao phần đất diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chỉ nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An cho bà Lê Phương H quản lý, sử dụng.

Bà Lê Phương H có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị B số tiền là 1.862.000.000 đồng và thanh toán cho bà Lê Phương L số tiền 1.862.000.000 đồng.

Giao phần đất còn lại của thửa đất số 161 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.337,9m², được giới hạn bởi các mốc (5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 5) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, trong đó có 75m² đất ở nông thôn và phần đất thuộc thửa đất số 276 tờ bản đồ 34 xã Long An có diện tích 1.369,7m² được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 4, 5, 14, 13, 12, 11, 10, 16, 2) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành, loại đất lúa cho bà Nguyễn Thị B1 quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị B1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thanh P, anh Lê Thanh V và chị Nguyễn Lê C, mỗi người 2.120.875.000 đồng.

Giao 01 ngôi nhà cấp 4, mái tôn, diện tích 50m² nằm trên diện tích 1.087,4m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 16, 10, 11, 12, 13, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành cho bà Lê Phương H quản lý, sử dụng.

Bà Lê Phương H có trách nhiệm thanh toán giá trị nhà cho anh Lê Thanh V là 120.000.000 đồng.

Khi bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu, chị Lê Phương H có trách nhiệm tháo dỡ một phần ngôi nhà diện tích 0,7m² giới hạn bởi các mốc (10, 11, 15, 16) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 611/2020 ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh Long Thành.

Đối với các tài sản khác trên đất, các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

2. Về án phí:

Bà H, bà B, bà L, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 67.860.000 đồng.

Bà Bê, anh V, anh P, chị C, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.415.700 đồng.

Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị B, bà Lê Phương H, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C và bà Nguyễn Thị Bê, mỗi người phải chịu 12.286.000 đồng.

Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng nên bà Phạm Thị B, bà Lê Phương L, anh Lê Thanh V, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Lê C và bà Nguyễn Thị Bê, mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho bà H số tiền 12.286.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba – Lưu Đức Chung

Đào Ngọc Nam